

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC NHÓM TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN NGOẠI NGỮ TẠI HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

NGUYỄN QUẾ ANH

Khoa Ngoại ngữ, Học viện An ninh nhân dân

Nhận bài ngày 15/3/2022. Sửa chữa xong 26/3/2022. Duyệt đăng 04/4/2022.

Abstract

Group work is a method that plays an important role in improving the effectiveness of teaching and learning foreign language in general and at the People's Security Academy in particular. Within the scope of the article, the author discusses the use of group work method in teaching foreign languages including: advantages of group work method, forms of group division, practical application of group work method in teaching foreign languages at the People's Security Academy, some difficulties as well as some notes which teachers should pay much attention to when they apply group work method to foreign language teaching process. Base on this, lecturers at the People's Security Academy in particular and lecturers at other universities in general can apply this method in the process of teaching foreign languages.

Keywords: Group work method, foreign languages, People's Security Academy.

1. Đặt vấn đề

Với lịch sử hơn 75 năm hình thành và phát triển, Học viện An ninh nhân dân luôn gắn chặt các mục tiêu đào tạo với việc đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương pháp dạy học. Mục tiêu đào tạo của Học viện đối với tất cả các ngành và chuyên ngành là rèn cho học viên (HV) kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phối hợp cùng giải quyết một nhiệm vụ, đây là kỹ năng rất quan trọng đối với người chiến sĩ công an khi ra thực tiễn chiến đấu. Vì vậy, phương pháp làm việc nhóm là một trong những phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng được mục tiêu đào tạo đó.

2. Một số vấn đề lí luận về phương pháp làm việc nhóm

2.1. Khái niệm

Làm việc nhóm là phương pháp dạy học tích cực, trong đó giáo viên (GV) chia lớp thành các nhóm nhỏ để cùng giải quyết một nhiệm vụ cụ thể, trong đó mỗi thành viên không chỉ có trách nhiệm thực hiện các hoạt động mà còn phải có trách nhiệm hợp tác, giúp đỡ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành tốt các công việc được giao [1].

Đặc thù riêng của quá trình học ngoại ngữ là giảng luyện kết hợp lí thuyết với thực hành, người học vừa đồng thời nhận biết các kiến thức vừa rèn luyện các kỹ năng nên phương pháp học hợp tác hay làm việc nhóm có thể được xem là giải pháp khi phương pháp này có thể đưa đến nhiều cơ hội tương tác và học hỏi giữa các HV với nhau, vừa cho phép HV dễ dàng nhận ra điểm yếu của mình, vừa học hỏi và hình thành kiến thức của chính bản thân mình.

2.2. Ưu điểm của phương pháp làm việc nhóm

Làm việc nhóm thường tạo bầu không khí sôi nổi hơn so với các hình thức tổ chức dạy học khác, trong đó các thành viên trong nhóm được bộc lộ hiểu biết và quan điểm của mình và có nhiều cơ hội rèn luyện khả năng diễn đạt của mình trước đám đông. Trong quá trình hoạt động nhóm, HV có

Email: queanh1786@gmail.com

cá tính, sở thích, điểm mạnh cũng như điểm yếu của từng HV. Từ đó, GV có những hiểu biết, phân tích về nhu cầu của HV để có thể thiết kế, chỉnh sửa các nhiệm vụ học tập phù hợp với đối tượng HV của mình hay GV có thể lựa chọn cách phân chia và tổ chức nhóm theo trình độ ngoại ngữ, theo sở thích, cá tính... của HV. GV có thể khéo léo kết hợp phương pháp làm việc nhóm với các kĩ thuật dạy học khác để phát huy tối đa hiệu quả trong quá trình dạy và học. Phương pháp làm việc nhóm có thể được áp dụng ở hầu hết tất cả các môn học:

Đối với các môn học thực hành tiếng, GV thường sử dụng phương pháp làm việc nhóm theo từng giai đoạn hay từng bài, kết hợp với các phương pháp khác như đóng vai, kĩ thuật công não, khăn trải bàn... nhằm tăng cường tối đa việc luyện tập các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết cho HV.

Đối với các môn chuyên ngành hẹp như ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng..., phương pháp làm việc nhóm kết hợp với thuyết trình hay hoạt động theo dự án thường xuyên được GV sử dụng để giúp HV vừa nắm bắt được kiến thức mới vừa tiếp tục luyện tập nâng cao được các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

Với đặc thù HV ở tập trung trong trường nên các hoạt động nhóm không chỉ được GV giao khi HV học trên lớp mà còn được sử dụng cho các nhiệm vụ học tập sau giờ học. Để làm tốt các nhiệm vụ, nhất là các dự án khi được giao, HV không chỉ bàn bạc, hoạt động trong giờ học mà việc thực thi các nhiệm vụ ngoài giờ học cũng đóng vai trò rất quan trọng để HV có thể hoàn thành tốt yêu cầu của GV. Do đó, dựa trên đặc thù ở nội trú của HV, việc giao nhiệm vụ cả trong và ngoài lớp học của GV đã mang lại sự tích cực, chủ động, sáng tạo, hứng thú và say mê trong học tập của HV cả lúc lên lớp cũng như trong thời gian tự học.

3.1.2. Đối với các lớp không chuyên

Việc triển khai phương pháp làm việc nhóm ở các lớp không chuyên thường gặp nhiều khó khăn do sĩ số lớp đông, không gian lớp học nhỏ, bàn ghế khó di chuyển nhưng GV ngoại ngữ vẫn tích cực sử dụng phương pháp này nhằm tăng cường tối đa thời lượng luyện tập, thực hành tiếng của HV. Để tránh HV có thái độ không tích cực, ỷ lại vào các HV học khá hơn trong hoạt động nhóm hay để tránh các nhóm sử dụng tiếng mẹ đẻ, làm việc mang tính chất đối phó, không thực hiện đúng yêu cầu của mình, các GV ngoại ngữ luôn xác định cẩn thận cách thức phân chia nhóm cũng như thiết kế nhiệm vụ học tập phù hợp, tăng cường việc giám sát trong quá trình các nhóm thảo luận, làm việc chung.

3.2. Một số khó khăn khi áp dụng phương pháp làm việc nhóm tại Học viện An ninh nhân dân

3.2.1. Về thời gian, quy mô lớp và cách tổ chức đào tạo

Hiện nay chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành ở Học viện An ninh đã rút ngắn thời gian đào tạo từ năm năm xuống còn bốn năm và tổ chức đào tạo theo hình thức tín chỉ nhưng vẫn còn khá nặng về lí thuyết, GV lên lớp phải truyền tải nhiều nội dung trong khi thời gian mỗi tiết học chỉ 50 phút và bố trí theo cặp tiết nên khó phân bổ về thời gian để HV làm việc theo nhóm. Lịch học của các học phần khá dày, thời gian tự học, tự nghiên cứu của HV không nhiều cũng gây ra khó khăn trong hoạt động nhóm của HV. Hơn nữa, sĩ số HV trong một lớp còn đông nên sự bao quát, giám sát của GV gặp nhiều khó khăn do số lượng nhóm đông, khó kiểm soát được hoạt động của các thành viên trong các lớp do việc di chuyển trong lớp không thuận tiện.

3.2.2. Về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ dạy học

Mặc dù Học viện rất quan tâm đầu tư phòng học cũng như các phương tiện dạy học nhưng vẫn chưa đáp ứng được tối đa yêu cầu của phương pháp dạy học tích cực trong đó có phương pháp làm việc nhóm. Đa số các phòng học hiện nay bố trí nhiều bàn ghế cố định theo quy mô lớp, không gian chật, giảng đường xây theo bậc tam cấp nên khó khăn trong việc di chuyển, thiết lập nhóm, kê bàn ghế... làm hạn chế tính linh hoạt của GV khi chia nhóm. Phương tiện để làm việc nhóm còn nhiều hạn chế (như giấy A0, các bảng phụ để để các nhóm trình bày kết quả, hay phòng học không có kết nối wifi nên HV khó khai thác các nguồn thông tin để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm mình...).

4.3.2. Trò chơi

Các hình thức trò chơi thường được áp dụng hiệu quả với các lớp không chuyên. Sau khi cả lớp đã luyện tập một cấu trúc với một kĩ năng nào đó, trò chơi là một hình thức có tác dụng rất tốt để củng cố những hiểu biết của HV về chức năng của cấu trúc đó trong những bối cảnh ngôn ngữ. Ví dụ sau khi dạy xong cấu trúc "should/ shouldn't" với ý nghĩa khuyên bảo, GV có thể cung cấp một vài từ gợi ý để HV làm việc theo nhóm. Khi đó, một thành viên nhóm sẽ nêu lên vấn đề của mình và những thành viên khác sẽ đưa ra các lời khuyên. Sau đó GV sẽ đánh giá xem nhóm nào đưa ra được nhiều lời khuyên nhất và có những lời khuyên hợp lí, thuyết phục nhất. GV cũng có thể yêu cầu HV dựng lên những vở kịch, trong đó mỗi thành viên của nhóm sẽ đảm nhận một vai. Ngoài ra, hình thức trò chơi còn có thể được GV áp dụng khi GV yêu cầu HV luyện tập câu hỏi "Yes-No". Đơn giản nhất là trò đoán "Who am I thinking of", "What is my profession?" hoặc "Guess what I did (last night/ last week/ during the weekend)". Với những trò chơi như này, GV sẽ ghi tiêu đề trò chơi lên bảng, cung cấp một số gợi ý, một số từ vựng hay kiến thức nền, sau đó làm mẫu cho sinh viên hiểu rõ rồi mới để HV tự chơi.

4.3.3. Thảo luận

Hình thức thảo luận thường được áp dụng với HV chuyên ngữ hoặc các HV có khả năng ngoại ngữ tương đối cao. Thảo luận giúp HV có thể tự do diễn đạt các quan điểm, ý kiến của mình. GV có thể đưa ra một chủ đề nào đó rồi cho tất cả các nhóm thảo luận, bàn bạc, trao đổi quan điểm của mình trong vài phút, sau đó các thành viên của từng nhóm sẽ trình bày lại nội dung thảo luận của nhóm mình (nếu cả nhóm thống nhất) hoặc tóm tắt lại các ý kiến (nếu có sự khác nhau). Trong quá trình các nhóm trình bày quan điểm của mình, GV không nhất thiết phải bày tỏ quan điểm của mình, trừ khi đó là các quan điểm sai mà không có nhóm nào phản bác.

4.3.4. Viết luận

Việc giao bài viết luận cho từng HV là không lí tưởng với các lớp đông (40-50 người) vì GV rất khó có thể theo dõi sát và hướng dẫn cho từng em. Nếu tổ chức cho HV hoạt động theo nhóm, GV của các lớp có đông HV có thể đồng thời kiểm soát và hướng dẫn bài viết của tất cả các nhóm. Với hình thức này, các HV cũng ý thức được rằng tất cả các thành viên trong nhóm đều phải đóng góp ý kiến xây dựng bài và đều sẽ được hưởng kết quả tốt nếu bài của nhóm đáp ứng được hết các yêu cầu của GV, tránh tình trạng chỉ có một vài thành viên tích cực hoạt động, những thành viên còn lại không tham gia gì cả.

5. Kết luận

Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kĩ năng quan trọng giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc, đáp ứng tốt yêu cầu công tác đặt ra. Với những nội dung được trình bày trong phạm vi bài viết này, tác giả hi vọng phương pháp làm việc nhóm sẽ được áp dụng hiệu quả hơn nữa trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ cho HV tại Học viện An ninh nhân dân nói riêng và trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ cho HV ở các cơ sở đào tạo khác trên cả nước nói chung trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Harmer, J. (2008), *How to teach English: An introduction to the practice of English language teaching (Cách dạy tiếng Anh: Giới thiệu về thực hành giảng dạy Tiếng Anh)*, NXB Longman, London.
- [2] Hadley, A. (2001), *Teaching language in context (3rd ed.) (Dạy ngôn ngữ trong ngữ cảnh)*, Thomson Heinle, Boston.
- [3] Hedge, T. (2001), *Teaching and learning in the language classroom (Dạy và học trong lớp học ngoại ngữ)*, Oxford University Press, Oxford, UK.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng ứng dụng ĐTĐM trong dạy học Tin học đại cương cho SV Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh hiện nay

2.2.1. Ứng dụng CNTT trong dạy học Tin học đại cương

Qua khảo sát cho ta số liệu thể hiện ở bảng 1.

TT	Nội dung khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Các hoạt động/thời điểm được GV ứng dụng CNTT trong quá trình tổ chức dạy học		
1.1	Khi tổ chức dạy học trên lớp	35	97,2
1.2	Trước và sau khi dạy học trên lớp (các hoạt động hỗ trợ SV làm bài tập về nhà, hướng dẫn SV tự học ở nhà, chuẩn bị bài mới)	20	55,6
1.3	Khi tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV	24	66,7
2	Những cách thức GV yêu cầu SV nộp sản phẩm bài tập trong quá trình tổ chức dạy học		
2.1	Copy vào USB mang đến lớp	13	36,1
2.2	Nộp qua Email	36	100,0
2.3	Nộp qua chức năng nộp bài tập trong lớp học trực tuyến	6	16,7
2.4	Hình thức khác		
3	Cách thức GV sử dụng để chia sẻ học liệu điện tử cho SV trong quá trình dạy học		
3.1	Copy trực tiếp qua USB, ổ cứng di động	12	33,3
3.2	Gửi qua Email	36	100,0
3.3	Chia sẻ qua công cụ lớp học trực tuyến	7	19,4
3.4	Qua mạng xã hội như Facebook, Zalo	17	47,2
3.5	Ý kiến khác	2	5,6
4	Kết quả khảo sát về việc GV tổ chức cho SV thảo luận, hợp tác học tập trong quá trình dạy học THĐC		
4.1	Trong quá trình dạy học trên lớp	35	97,2
4.2	Thảo luận/hợp tác học tập trực tuyến ngoài giờ lên lớp - sử dụng các công cụ mà SV có tài khoản cá nhân và đang dùng hàng ngày như Facebook, Zalo	16	44,4
4.3	Thảo luận, hợp tác học tập trực tuyến ngoài giờ lên lớp trên hệ thống dạy học trực tuyến do trường cung cấp	0	0,0
5	Kết quả khảo sát về việc GV sử dụng mô hình lớp học trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy học THĐC		
5.1	Chưa đưa vào sử dụng	26	72,2
5.2	Đã sử dụng với công cụ lớp học trực tuyến là một module trong hệ thống dạy học trực tuyến do trường cung cấp	0	0,0
5.3	Đã sử dụng với công cụ lớp học trực tuyến do GV tự xây dựng/lựa chọn sử dụng	10	27,8

Bảng 1: Kết quả khảo sát thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy học THĐC

Bảng 1 cho thấy, GV chủ yếu ứng dụng CNTT vào dạy học giáp mặt trên lớp và khi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV mà chưa dành nhiều sự quan tâm cho vấn đề hỗ trợ SV trong các hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp. Công cụ lớp học trực tuyến được thiết kế chuyên biệt để hỗ trợ tổ chức các hoạt động dạy học cho SV mới có rất ít GV sử dụng. GV chủ yếu sử dụng Email và một bộ phận sử dụng các mạng xã hội như Facebook, Zalo hoặc các thiết bị lưu trữ di động để hỗ trợ hoạt động dạy học cho SV.

2.2.2. Nhận thức của GV về ứng dụng ĐTĐM trong dạy học Tin học đại cương Qua nghiên cứu cho ta số liệu ở bảng 2 và 3 như sau (bảng 2, 3).

TT	Hoạt động	Mức độ cần thiết							
		Rất cần thiết		Cần thiết		Ít cần thiết		Không cần thiết	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Lưu trữ, chia sẻ học liệu điện tử, tài nguyên học tập với lớp học	14	38,9	22	61,1	0	0,0	0	0,0
2	Tổ chức cho người học thảo luận, hợp tác học tập	6	16,7	28	77,8	2	5,6	0	0,0
3	Soạn giáo án, tạo bài giảng điện tử	2	5,6	20	55,6	14	38,9	0	0,0
4	Dạy học giáp mặt trên lớp	2	5,6	19	52,8	15	41,7	0	0,0
5	Hướng dẫn, hỗ trợ SV tự học ngoài giờ lên lớp	7	19,4	27	75,0	2	5,6	0	0,0
6	Kiểm tra, đánh giá, lấy ý kiến phản hồi từ người học	9	25,0	24	66,7	3	8,3	0	0,0

Bảng 2: Mức độ cần thiết của việc ứng dụng ĐTĐM vào dạy học Tin học đại cương

Bảng 4 cho thấy, GV đã biết và sử dụng một số phần mềm đám mây, trong đó, nhóm ứng dụng lưu trữ/chia sẻ dữ liệu trực tuyến được sử dụng nhiều nhất. Các ứng dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến, ứng dụng tạo bài giảng E-learning, kiểm tra, đánh giá trực tuyến mới có rất ít GV sử dụng phục vụ dạy học. Đa số GV có ý kiến trả lời đã sử dụng cho biết, họ sử dụng các ứng dụng ĐTĐM nói trên để phục vụ một số công việc trong quá trình chuẩn bị cho hoạt động dạy học như: lưu trữ dữ liệu phục vụ giảng dạy, soạn giáo án, khảo sát ý kiến của SV. Những GV còn lại mới chỉ sử dụng để thử nghiệm, tìm hiểu, khám phá và thấy chúng có chức năng tương đồng với một số phần mềm ngoại tuyến họ đã sử dụng.

2.2.4. Ứng dụng ĐTĐM trong dạy học Tin học đại cương

TT	Nội dung khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Vị trí của nội dung kiến thức về ĐTĐM trong chương trình đào tạo Tin học đại cương (thuộc chương trình đào tạo các học phần Tin học dành cho SV CĐSP chính quy không chuyên Tin học) tại các nhà trường		
1.1	Không có trong chương trình đào tạo	29	80,6
1.2	Đã có trong chương trình đào tạo	6	16,7
1.3	Đã có trong chương trình đào tạo nhưng thuộc nội dung đọc thêm, không phải nội dung giảng dạy chính, GV chỉ giới thiệu để SV tự nghiên cứu thêm	1	2,8
2	Mức độ tìm hiểu và ứng dụng ĐTĐM vào hoạt động dạy học Tin học đại cương của GV		
2.1	Chưa tìm hiểu	5	13,9
2.2	Mới bước đầu tìm hiểu những khái niệm, đặc điểm cơ bản của ĐTĐM, chưa ứng dụng vào giảng dạy	24	66,7
2.3	Đã có nhiều thời gian tìm hiểu về ĐTĐM, hiện đang ứng dụng vào quá trình giảng dạy của bản thân	7	19,4
3	Mức độ mong muốn của GV về tập huấn ứng dụng ĐTĐM vào dạy học Tin học đại cương		
3.1	Rất mong muốn	15	41,7
3.2	Mong muốn	12	33,3
3.3	Bình thường	8	22,2
3.4	Không mong muốn	1	2,8

Bảng 5: Ứng dụng ĐTĐM trong dạy học Tin học đại cương

Bảng 5 cho thấy, trong chương trình đào tạo Tin học đại cương tại nhà trường hầu hết chưa có nội dung dạy học riêng về ĐTĐM. Kết hợp với nghiên cứu đề cương chi tiết để thu được cái nhìn chính xác hơn tác giả nhận thấy, với các trường đã có nội dung về ĐTĐM trong chương trình đào tạo Tin học đại cương thì nội dung về ĐTĐM mới chỉ được lồng ghép giới thiệu sơ lược trong phần nội dung nói về Internet, Email, chưa có tính hệ thống. Các phần mềm ứng dụng ĐTĐM được sử dụng để làm công cụ học tập các nội dung Tin học đại cương (như xử lý văn bản, bảng tính, phần mềm trình chiếu) chưa được nhà trường đưa vào chương trình như là một nội dung dạy học cho SV. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, đa số GV mới bước đầu tìm hiểu những khái niệm, đặc điểm cơ bản của ĐTĐM và chưa ứng dụng vào giảng dạy, chỉ có 19,4% GV cho biết đã tìm hiểu về ĐTĐM, hiện đang ứng dụng vào quá trình giảng dạy của bản thân. Qua phỏng vấn cho thấy, việc ứng dụng ĐTĐM vào quá trình dạy học của các GV đó chỉ theo kinh nghiệm của bản thân, chưa có GV nào ứng dụng theo nguyên tắc và tiến trình đã được công bố khoa học. Lí do cơ bản của việc chưa ứng dụng ĐTĐM trong dạy học là do còn hạn chế về kinh nghiệm và năng lực ứng dụng ĐTĐM vào dạy học. Vì vậy, khi được khảo sát, đa số GV đều mong muốn được tập huấn về ứng dụng ĐTĐM trong dạy học.

2.2.5. Về học tập học phần Tin học đại cương và mức độ ứng dụng CNTT trong học Tin học đại cương của SV

TT	Nội dung	Mức độ ứng dụng							
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tìm kiếm/trả cứu thông tin và tài liệu tham khảo trên mạng Internet	882	66,7	402	30,4	29	2,2	10	0,8
2	Tham gia các diễn đàn trao đổi thông tin học tập trên mạng Internet	320	24,2	635	48,0	294	22,2	74	5,6
3	Sử dụng các phần mềm phục vụ việc học tập	763	57,7	489	37,0	64	4,8	7	0,5
4	Được tiếp xúc với các phần mềm dạy học	766	57,9	455	34,4	87	6,6	15	1,1